Đề thi thử COM2034 (2) – 50 PHÚT

Câu 1 (1.5 điểm): Tạo CSDL có tên SU23\_COM2034\_[Mã số sinh viên] gồm các bảng sau:

XeHoi(**MaXeHoi**, **TenXeHoi**, **NamSanXuat**, XuatXu, HangXe)

HopDong(**MaHopDong**, NgayKy, **GiaTriMuaBan**)

HopDongChiTiet(***MaXeHoi***, ***MaHopDong***, **TinhTrangXe(bit)**)

Trường **in đậm** không được NULL, *in nghiêng* là khóa ngoại, gạch chân là khóa chính.

Câu 2 (3 điểm): Tạo Thủ tục **THÊM** dữ liệu cho 3 bảng.

Với mỗi thủ tục, viết sẵn 3 lời gọi thành công.

Câu 3 (1 điểm): Tạo và sử dụng Khung nhìn có tên: V\_HDCT\_Full.

Hiển thị chi tiết hợp đồng bao gồm: Mã xe hơi, Mã hợp đồng, Tình trạng xe (1 là new, 0 là used), Giá trị mua bán và tổng tiền phải trả (nếu tình trạng xe là xe mới thì tổng tiền phải trả = giá trị mua bán + 10% thuế)

Câu 4 (1 điểm): Tạo và sử dụng Khung nhìn có tên V\_TopCN.

Hiển thị top 3 xe có lượng mua bán nhiều nhất (Mã xe hơi, Tên xe hơi, Số lần mua bán)

Câu 5 (2 điểm): Tạo và sử dụng Hàm có tên F\_LoaiXe nhận vào một Mã xe hơi, trả về kết quả là loại của xe đó (nếu xe đó có dưới 4 chỗ ngồi thì là xe Couple, 4 chỗ thì là Sedan, trên 4 chỗ thì là SUV).

Câu 6 (1 điểm): Tạo và sử dụng Thủ tục có tên SP\_XoaXeHoi truyền vào mã xe hơi và thực hiện xóa xe hơi ở các bảng liên quan.

CHÚ Ý: Các thủ tục thêm dữ liệu có kiểm tra dữ liệu đầu vào hợp lý. Với dữ liệu nhập sai hoặc không phù hợp, có hiển thị tin nhắn hướng dẫn người dùng nhập lại chính xác.(0.5 điểm)